

Số: /QĐ-SCT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, áp dụng các tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

### GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Kế hoạch Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Sở Công Thương 03 tháng cuối năm 2025;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt các tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa theo Danh mục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 109/QĐ-SCT ngày 13/08/2024 của Giám đốc Sở Công Thương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và Ban Chỉ đạo ISO có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhựt

**DANH MỤC**  
**TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(kèm theo Quyết định số: ..... /QĐ-SCT ngày ..../2025 của Sở Công Thương)

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
<b>I/ CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN HTQLCL</b>				
1	Sổ tay chất lượng	STCL	Thư ký ISO và các đơn vị	Cung cấp trên Trang thông tin điện tử: <a href="https://sct.khanhhoa.gov.vn">https://sct.khanhhoa.gov.vn</a>
2	Chính sách chất lượng	CSCL	nt	nt
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	nt	nt
4	Quy trình Kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.TLHS	nt	nt
5	Quy trình đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng	QT.ĐGNB	nt	nt
6	Quy trình quản lý rủi ro	QT.QLRR	nt	nt
7	Quy trình cải tiến HTQLCL	QT.CTCL	nt	nt
<b>II/ QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	2.000604	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	Cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	2.001665	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1.001271	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
4	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	2.000618	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	2.000613	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	1.000878	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
7	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	2.000401	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	2.000251	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	1.001292	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
10	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	2.000628	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	2.000624	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
12	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	2.001384	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000206	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
14	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	2.001313	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
15	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.013398	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
16	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	2.001322	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
17	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	2.001292	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	2.001300	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
19	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt	1.013399	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		môn	
20	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013400	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	2.000591	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	2.000535	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
23	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2.001682	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
24	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.003951	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
25	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2.001660	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
26	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	1.003860	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
27	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	2.001595	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
28	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	1.003929	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	2.000117	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	2.000115	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
31	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	2.000140	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
32	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	2.000066	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			Phòng Chuyên môn	
33	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại điểm giao dịch thường xuyên	2.002620	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
34	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000191	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
35	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.001158	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
36	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
37	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
38	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
39	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.013780	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
40	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1.004021	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
41	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1.003992	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1.004007	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
43	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	1.000667	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
44	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000981	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			môn	
45	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000948	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
46	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000911	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
47	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	2.000209	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
48	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000162	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
49	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	1.000172	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
50	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	1.000949	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
51	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	1.012427	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
52	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	1.013989	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
53	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1.013990	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
55	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	2.000046	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
56	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	2.002676	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
57	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện thuộc	1.013401	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Phòng Chuyên môn	
58	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	1.013417	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
59	Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013418	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
60	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013419	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
61	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	1.013420	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
62	Thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013421	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
63	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	1.013004	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
64	Điều chỉnh bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	1.013005	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
65	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	1.013394	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
66	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	1.013395	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
67	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013411	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
68	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013412	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
69	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013416	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
70	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
71	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011507	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
73	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001175	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
74	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001161	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
75	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011506	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
76	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011508	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
78	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001172	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.002758	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
80	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.000652	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
81	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	1.003820	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
82	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	1.003775	Thư ký ISO, Phòng Chuyên	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			môn	
83	Cập điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	2.001585	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
84	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	1.003724	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
85	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	2.001722	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
86	Cập điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.004031	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
87	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	2.000431	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
88	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	1.012429	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
89	Cập điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	1.012430	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
90	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012432	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
91	Cập điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012433	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
92	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012438	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
93	Cập điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012440	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
94	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	1.012441	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
95	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	1.012442	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			Phòng Chuyên môn	
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
97	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
98	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
99	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
100	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1.000481	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
101	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000279	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
102	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
103	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
104	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
105	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
106	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000078	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
107	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000136	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
108	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000073	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
109	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000207	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
110	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000201	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
111	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
112	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000187	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
113	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000175	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
114	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000196	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1.000425	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
116	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000180	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
118	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000376	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
119	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000371	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
120	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163	Thư ký ISO, Phòng Chuyên	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			môn	
121	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1.000444	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
122	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000211	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
123	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	2.001424	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
124	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1.000491	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
125	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1.000510	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1.005184	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
127	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1.000649	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
128	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1.005372	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
129	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1.000706	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
130	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	2.000146	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
131	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1.000387	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
132	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	1.000387	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
133	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	2.000304	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			Phòng Chuyên môn	
134	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	1.000709	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
135	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	1.000704	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
136	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	2.000147	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
137	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.013652	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
138	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1.014125	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
139	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1.014126	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
140	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1.014127	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
141	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
142	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
143	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
144	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
145	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
146	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	2.000633	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
147	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000190	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
148	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000176	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
149	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000167	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
150	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001624	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
151	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001619	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
152	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000636	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
153	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001646	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
154	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001630	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
155	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001636	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
156	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000637	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
157	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000640	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
158	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000197	Thư ký ISO, Phòng Chuyên	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			môn	
159	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000626	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
160	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
161	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
162	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
163	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
164	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
165	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
166	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
167	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000669	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
168	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000664	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
169	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000666	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
170	Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	1.010696	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
171	Cấp Giấy phép phân phối rượu	1.003977	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			Phòng Chuyên môn	
172	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	1.005376	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
173	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	1.003101	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
174	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	1.001338	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
175	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	1.001323	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
176	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	2.000598	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
177	Xét tặng Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	1.012471	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
178	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000631	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
179	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
180	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	2.000609	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
181	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
182	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	2.001573	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
183	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	1.003705	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
184	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	2.000324	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
185	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1.012569	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
186	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	1.012567	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
187	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	1.000880	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
188	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000314	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
189	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	2.000255	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
190	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
191	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách; báo và tạp chí	2.000362	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
192	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
193	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000340	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
194	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
195	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
196	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm	2.000361	Thư ký ISO, Phòng Chuyên	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	tra nhu cầu kinh tế (ENT)		môn	
197	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
198	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000339	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
199	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500 m <sup>2</sup>	2.000334	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
200	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
201	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
202	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000665	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
203	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
204	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
205	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
206	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000450	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
207	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000327	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
208	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000129	Thư ký ISO, Phòng Chuyên	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			môn	
209	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000358	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
210	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000168	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
211	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000221	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
212	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000172	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
213	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	1.003401	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
214	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	2.001434	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
215	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	2.001433	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
216	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.013058	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
217	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1.000998	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
218	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1.000965	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
219	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000229	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
220	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	1.013778	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
221	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất	1.013779	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	khâu theo giấy phép		Phòng Chuyên môn	
222	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	1.000477	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
223	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	1.001062	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
224	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	2.001758	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
225	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	1.000363	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
226	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	1.001419	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
227	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.000350	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
228	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.005405	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
229	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.005406	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
230	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	1.003438	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
231	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	1.000957	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
232	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	1.000905	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
233	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	1.004181	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
234	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	1.004155	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
235	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	1.000400	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
236	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	1.000890	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
237	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	1.001238	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
238	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	1.001104	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
239	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	1.004191	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
240	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	1.000551	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
241	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000004	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
242	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
243	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
244	Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000131	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
245	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000001	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
246	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002605	Thư ký ISO, Phòng Chuyên	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			môn	
247	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002607	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
248	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002608	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
249	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002604	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
250	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002606	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
251	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	2.000026	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
252	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	2.000133	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt
253	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	2.002096	Thư ký ISO, Phòng Chuyên môn	nt